TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15a/2021/DS-ST
Ngày: 27/9/2021
"V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lê Quang Hoà.
2. Ông: Nguyễn Xuân Vinh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Đinh Xuân Giáp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên Tòa: Bà Hồ Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 27 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 31/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 04 năm 2020 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1948.

Nơi cư trú: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1968; Nơi cư trú : Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2019). Có mặt.

Bị đơn: Bà Bùi Thị Y, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị G, sinh năm 1950

Nơi cư trú : Xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bà Bùi Thị C, sinh năm 1952

Nơi cư trú : Xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bà Bùi Thị L, sinh năm 1949 (Vợ ông Bùi Văn N)

- Anh Bùi Văn M, sinh năm 1978
- Chị Bùi Thị Châu L, sinh năm 1982
- Chị Bùi Thị L, sinh năm 1987
- Chị Bùi Thị N, sinh năm 1991

Đều cư trú: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Tất cả đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G, bà C, bà L, anh M, chị L, chị L, chị N: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1968 ; Nơi cư trú : Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Theo các văn bản ủy quyền ngày 31/10/2019). Có mặt.

- Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1973 và ông Lê Hồng L

Nơi cư trú : Xóm 11, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Ông Hồ Văn H, sinh năm 1954 và bà Trần Thị L, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều trình bày:

Cha mẹ của nguyên đơn bà Bùi Thị T là cụ Bùi Văn T (chết năm 1960) và cụ Đặng Thị C (chết năm 1995), có 05 người con chung gồm các ông, bà: Bùi Xuân K, chưa có vợ con, hy sinh năm 1974; Bùi Thị T; Bùi Thị G; Bùi Thị C và Bùi Thị Y. Trước khi lấy cụ C, cụ T có 01 người con riêng là ông Bùi Văn N, chết năm 2003 (Ông N có vợ là bà Nguyễn Thị L và 04 người con là: Bùi Văn M, Bùi Thị Châu L, Bùi Thị Hồng L, Bùi Thị N). Quá trình chung sống cụ T và cụ C đã tạo dựng được khối tài sản chung là: Thửa đất số 819, tờ bản đồ số 5 (Bản đồ 299); Theo bản đồ địa chính là thửa số 62, tờ bản đồ số 30, diện tích 760,8m^2 tại địa chỉ xóm 2, xã N, huyên N, tỉnh Nghệ An (Nay thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 30, diện tích đất ở 534,6m^2 được UBND huyện Nghi Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO119713 ngày 13/7/2018 mang tên bà Hoàng Thị L và thửa đất số 167, tờ bản đồ số 30, diện tích đất ở 226,4m^2 được UBND huyện Nghi Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO119712 ngày 13/7/2018 mang tên ông Hồ Văn H, bà Trần Thị L).

Cụ T chết năm 1960 và không để lại di chúc, sau khi cụ T chết, tài sản trên do cụ C quản lý và sử dụng. Đến năm 1995 cụ C chết cũng không để lại di chúc và bà Bùi Thị Y là con gái út trong gia đình không lập gia đình mà ở cùng với cụ T, cụ C từ khi còn nhỏ cho đến khi các cụ qua đời, sau đó bà Y là người trực tiếp quản lý, sử dụng và đồng thời tự ý kê khai khối di sản của cụ T, cụ C nên ngày 30 tháng 6 năm 1998 bà Y đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I672591 đối với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 30, diện tích 632m^2 (Trong đó đất ở 200m^2, đất vườn 560,8m^2) tại địa chỉ xóm 2, xã N, huyên N, tỉnh Nghệ An. Ngày

12 tháng 10 năm 2017 bà Y đã được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH906555 tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30, diện tích 760,8m^2 (Trong đó đất ở 200m^2, đất vườn 560,8m^2). Năm 2018 bà Y có đơn đề nghị xác định lại diện tích đất ở, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 15 tháng 3 năm 2018 bà Yến đã được Uỷ ban nhân dân huyện N cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 076773 tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30, diện tích 760,8m^2 đất ở. Năm 2017 đồng đội của liệt sỹ ông Bùi Văn K đã xây dựng trên thửa đất của cụ T, cụ C một ngôi nhà cấp 4 để thờ phụng cha mẹ liệt sỹ và liệt sỹ. Tuy nhiên mỗi lần các chị em của bà T về thắp hương thì bà Y gây khó khăn. Năm 2018 thửa đất trên bà Y đã tách thành hai thửa đó là thửa 166 và thửa 167, tờ bản đồ số 30 đồng thời chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị L và ông Hồ Văn H, bà Trần Thị L. Ngày 13/7/2018, thửa đất số 166, tờ bản đồ số 30, diện tích 534,6m^2 được UBND huyện Nghi Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO119713 ngày 13/7/2018 mang tên bà Hoàng Thị L; thửa đất số 167, tờ bản đồ số 30, diện tích 226,4m^2 được UBND huyện Nghi Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO119712 ngày 13/7/2018 mang tên ông Hồ Văn H, bà Trần Thị L. Để đảm bảo quyền lợi nay bà T yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ bà là cụ T, cụ C đối với thửa đất nói trên theo quy định của pháp luật và đề nghị được chia bằng hiện vật. Ngoài ra, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản trên đất.

Tại phiên tòa nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà bà Bùi Thị Y quá trình giải quyết vụ án không đến tòa để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, nên không có bản tự khai. Tòa án đã thực hiện việc lấy lời khai của bà Y. Tuy nhiên bà Y có khai và trình bày nhưng không chịu ký vào biên bản lấy lời khai nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc bà Y từ chối ký vào biên bản. Theo biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 02 năm 2020 thể hiện: Bà Y có lời khai thống nhất về mối quan hệ huyết thống cha, mẹ, con, anh, chị cũng như người con riêng của cha bà và di sản của cha mẹ để lại như nguyên đơn, người đại diện cho nguyên đơn trình bày. Bà Y cho rằng sau khi cha bà chết vào năm 1960, lúc đó bà mới 2 tuổi nên sống cùng với mẹ (Bà C) trên thửa đất đó từ nhỏ cho đến khi mẹ bà qua đời vào năm 1995 mà không lập gia đình với ai, còn các anh chị đều có cuộc sống riêng tự lập. Do đó ngày 30 tháng 6 năm 1998 bà Yến đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I672591 đối với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 30, diện tích 632m^2 (Trong đó đất ở 200m^2, đất vườn 432m^2) tại địa chỉ xóm 2, xã N, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Ngày 12 tháng 10 năm 2017 bà Y đã được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH906555 tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30, diện tích 760,8m^2 (Trong đó đất ở 200m^2, đất vườn 560,8m^2). Năm 2018 bà Y có đơn đề nghị xác định lại diện tích đất ở, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 15 tháng 3 năm 2018 bà Y đã được Uỷ ban nhân dân huyện N cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số CL 076773 tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30, diện tích 760,8m^2 đất ở. Năm 2017 nhờ sự hỗ trợ của Nhà nước và đồng đội của liệt sỹ Bùi Văn K đã xây cho bà Y một ngôi nhà lợp ngói. Năm 2018 bà Y đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất trên cho bà Hoàng Thị L và ông Hồ Văn H, bà Trần Thị L và hiện nay bà L và ông H, bà L đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Th, cụ C theo quy định của pháp luật thì bà Y không đồng ý vì lý do đất đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Bùi Thị C và đại diện theo ủy quyền của bà C đều trình bày: Bà cũng thống nhất về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế và di sản thừa kế của cha mẹ bà là cụ T, cụ C để lại. Bà cho rằng sau khi cha mẹ bà qua đời và không để lại di chúc, bà Yến là người trực tiếp quản lý, sử dụng rồi tự ý kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2018 bà Y đã tách thành hai thửa và chuyển nhượng cho ông Hồ Văn H, bà Trần Thị L thửa đất số 167, tờ bản đồ số 30, diện tích 226,4m^2 được UBND huyện Nghi Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO119712 ngày 13/7/2018 mang tên ông Hồ Văn H, bà Trần Thị L và thửa thửa đất số 166, tờ bản đồ số 30, diện tích 534,6m^2 được UBND huyện Nghi Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO119713 ngày 13/7/2018 mang tên bà Hoàng Thị L. Nay bà C cũng như đại diện theo ủy quyền của bà C đề nghị Tòa án tuyên hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Bùi Thị Y; Ông Hồ Văn H, bà Trần Thị L; Bà Hoàng Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn H, bà Trần Thị L quá trình giải quyết vụ án không đến tòa để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, nên không có bản tự khai. Tòa án đã thực hiện việc lấy lời khai của ông H, bà L. Tuy nhiên ông H, bà L có khai và trình bày nhưng không chịu ký vào biên bản lấy lời khai nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc ông H, bà L từ chối ký vào biên bản. Theo biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2020 thể hiện: Ngày 26 tháng 3 năm 2018 ông, bà có nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị Y một thửa đất có diện tích 262m^2 tại địa chỉ xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Ngày 13/7/2018 ông bà đã được Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO119712 tại thửa đất số 167, tờ bản đồ số 30, diện tích 226,4m^2 mang tên ông HồVăn H, bà Trần Thị L. Nay nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà thì ông bà không đồng ý.

Đối với bà Hoàng Thị L, ông Lê Hồng L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụngcho bà L, ông L, nhưng bà L, ông L nhận nhưng không chịu ký vào văn bản và không đến tòa để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, nên không có bản tự khai hay quan

điểm khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G, bà C, bà L, anh M, chị L, chị L, chị N trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H bà L, bà L, ông L không chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 26; Điều 28; Điều 35 ; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T về chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Bùi Văn T và cụ Đặng Thị C.

Về hàng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T gồm 06 người là: Cụ Đặng Thị C, Bùi Thị T, Bùi Thị G, Bùi Thị C, Bùi Thị Y và người con riêng của cụ Trạch là ông Bùi Văn N (Do ông N đã chết nên vợ là bà L cùng 04 người con chung của ông N được hưởng thừa kế phần của ông N). Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đặng Thị C gồm 4 người là: Bà Bùi Thị T, Bùi Thị G, Bùi Thị C, Bùi Thị Y.

Về di sản thừa kế: Quyền sử dụng 760,8m^2 đất ở tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30, diện tích 760,8m^2 (Nay thuộc thửa 166 tờ bản đồ số 30, diện tích 534,6m^2 được uỷ ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp cho bà Hoàng Thị L và thửa đất số 167 tờ bản đồ số 30, diện tích 226,4m^2 được uỷ ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp cho ông Hồ Văn H, bà Trần Thị L tại địa chỉ xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An). Do toàn bộ di sản trên bà Y đã chuyển nhượng nên không còn hiện vật để phân chia mà di sản được tính giá trị theo kết quả định giá theo giá thị trường là 1.902.000.000đ (Một tỷ, chín trăm linh hai triệu đồng).

Về cách thức phân chia: Do cụ T, cụ C chết không để lại di chúc nên phân chia theo quy định của pháp luật, cụ thể cần trích công sức duy trì, bảo quản di sản cho bà Y được hưởng ½ trị giá di sản thừa kế, còn lại ½ trị giá di sản thuộc di sản của cụ T, cụ C để lại, đề nghị Hội đồng xét xử phân chia theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về chia di sản thừa của cụ Bùi Văn T và Đặng Thị C theo quy định của pháp luật là quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tung dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Bùi Thị T với bị đơn bà Bùi Thị Y là tranh chấp về thừa kế tài sản. Tài sản và nơi cư trú của các đương sự đều tại địa bàn huyện N, nên thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Bùi Văn T chết năm 1960, không để lại di chúc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế. Tại văn bản giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: Thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990 nếu 30 năm tính từ thời điểm này thì đến ngày 10/9/2020 mới hết thời hiệu. Trong vụ án này nguyên đơn khởi kiện từ ngày 19/12/2019. Vì vậy vụ án vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Ngày 23 tháng 9 năm 2021 Tòa án tiến hành xét xử vụ án nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà G bà L, anh , chị L, chị L, chị N vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có người đại diện theo uỷ quyền tham gia. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H, bà L, chị L, ông L đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Do vụ án cần thời gian dài để nghị án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 264 của Bộ luật tố tụng Dân sự Quyết định nghị án kéo dài và thông báo thời gian tuyên án vào ngày 27 tháng 9 năm 2021 nhưng các đương sự đều vắng mặt.

[5]. Xét về hàng thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận:

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bùi Văn T gồm: Do cụ C chết sau cụ T, ông Bùi Xuân K (Hy sinh) chưa có vợ con nên hàng thừa kế của cụ T gồm 06 người là: Cụ Đặng Thị C, Bùi Thị T, Bùi Thị G, Bùi Thị C, Bùi Thị Y và người con riêng của cụ

Trạch là ông Bùi Văn N (Do ông N đã chết nên vợ là bà L cùng 04 người con chung của ông N được hưởng thừa kế phần của ông N).

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đặng Thị C gồm 4 người gồm: Bà Bùi Thị T, Bùi Thị G, Bùi Thị C, Bùi Thị Y.

[6]. Xét về di sản thừa kế:

Theo các tài liệu thu thập, cũng như lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa xác định: Cụ T, cụ C chết không để lại di chúc. Các đương sự đều thừa nhận thửa đất số 819, tờ bản đồ số 5, diện tích 632m^2 (Bản đồ 299); Theo bản đồ địa chính là thửa số 62, tờ bản đồ số 30, diện tích 760,8m^2 (Diện tích phát sinh là do kỹ thuật đo đạc qua các thời kỳ), tại địa chỉ xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Nay thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 30, diện tích 534,6m^2 được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO119713 ngày 13/7/2018 mang tên bà Hoàng Thị L và thửa đất số 167, tờ bản đồ số 30, diện tích 226,4m^2 được UBND huyện Nghi Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO119712 ngày 13/7/2018 mang tên ông Hồ Văn H, bà Trần Thị L) tại địa chỉ xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An có nguồn gốc là tài sản chung của cụ T, cụ C được Nhà nước cấp từ trước năm 1960. Nay thửa đất trên bà Y đã chuyển nhượng toàn bộ nên di sản của hai cụ để lại được xác định bằng trị giá tiền theo kết quả định giá theo giá thị trường tại thời điểm xét xử vụ án. Vì vậy, việc khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật là có căn cứ để chấp nhận.

[7]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về chia di sản thừa kế bằng hiện vật:

Do hiện nay di sản là đất ở với diện tích 760,8m^2 của cụ T, cụ C không còn hiện vật để phân chia vì bà Y đã chuyển nhượng toàn bộ nên di sản được tính giá trị bằng tiền để phân chia. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về chia di sản bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

[8]. Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Bùi Thị C đề nghị hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Bùi Thị Y; Hồ Văn H, Trần Thị L và bà Hoàng Thị L thấy rằng:

Cụ T, cụ C chết đều không để lại di chúc hay tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ai. Việc bà Y tự ý kê khai và năm 1998 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi không được sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ T, cụ C và đồng thời năm 2018 bà Y tách thành 02 thửa và chuyển nhượng toàn bộ cho ông Hồ Văn H, bà Trần Thị L và bà Hoàng Thị L là trái quy định của pháp luật. Tuy nhiên căn cứ vào nội dung Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao thể hiện: "Theo quy định của Luật đất đai và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ thì việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc xác nhận nội dung biến động trong trường hợp thực hiện hợp đồng (Các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 105 của Luật đất đai) là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết

định hành chính cá biệt; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực. Cho nên, khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất mà hợp đồng đó bị vô hiệu, nhưng người nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã được xác nhận nội dung biến động thì không đưa cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy tham gia tố tụng và không cần phải tuyên hủy giấy chứng nhận cấp cho người nhận chuyển nhượng" và theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 106 Luật đất đai năm 2013 thì Nhà nước thu hồi GCNQSDĐ đã cấp trong trường hợp "Cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp". Theo nội dung hướng dẫn ở trên thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 672591 ngày 30/6/1998 đối với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 05, diện tích 632m^2 (Trong đó đất ở 200m^2, đất vườn 432m^2); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH906555 ngày 12/10/2017 đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30, diện tích 760,8m^2 (Trong đó đất ở 200m^2, đất vườn 560,8m^2) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 076773 ngày 15/3/2018 đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30, diện tích 760,8m^2 đất ở đều mang tên bà Bùi Thị Y. Do bà Y đã thực hiện nhiều lần chuyển đổi và đã chuyển nhượng cho người khác nên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên của bà Y đều đã được cơ quan có thẩm quyền thu hồi theo quy định của pháp luật nên không còn hiệu lực pháp lý. Còn đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C0 119713 ngày 13/7/2018 mang tên bà Hoàng Thị Lvà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C0 119712 ngày 13/7/2018 mang tên Trần Thị L và Hồ Văn H được cơ quan có thẩm quyền cấp trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Y với bà L và giữa bà Y với ông H, bà L. Mặt khác nay những người nhận chuyển nhượng đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó theo nội dung hưỡng dẫn trên thì không cần phải tuyên Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Y đã chuyển nhượng. Vì vậy yêu cầu về tuyên hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Bùi Thị Y; bà Hoàng Thị L và ông Hồ Văn H, bà Trần Thị L của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không được chấp nhận.

[9]. Xét quá trình sử dụng và công sức duy trì, bảo quản di sản: Căn cứ vào lời khai của các đương sự cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định: Bà Y ở cùng hai cụ trên thửa đất đó từ khi sinh ra cho đến khi hai cụ qua đời và ở vậy không lập gia đình với ai. Sau khi hai cụ chết bà Y là người trực tiếp quản lý, sử dụng, sinh sống trên thửa đất đó cho đến nay, nên để đảm bảo quyền lợi cho bà Y cần trích công sức duy trì, bảo quản di sản cũng như công chăm sóc, thờ phụng người để lại di sản cho bà Y là phù hợp, cụ thể Hội đồng xét xử trích cho bà Y được hưởng ½ di sản.

[10]. Về phương thức phân chia di sản:

10.1. Trị giá di sản thừa kế được xác định theo kết quả định giá theo giá thị trường ngày 23 tháng 7 năm 2021 là:

- Thửa đất số 166, tờ bản đồ số 30, diện tích 534,6m^2 x 2.500.000đ/ m^2 = 1.336.500đ (Một tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Thửa đất số 167, tờ bản đồ số 30, diện tích 226,4m^2 x 2.500.000đ/m^2 = 566.000.000đ (Năm trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

Tổng trị giá di sản thừa kế của cụ T, cụ C là 1.902.500.000đ (Một tỷ, chín trăm linh hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

10.2. Cách thức phân chia:

+ Trích công sức duy trì, bảo quản di sản, công chăm sóc, thờ phụng người để lại di sản cho bà Y được hưởng là ½ di sản là số tiền 1.902.500.000 đồng : 2 = 951.000.000đ (Chín trăm năm mươi mốt triệu đồng).

+ Di sản thừa kế còn lại của cụ T, cụ C có trị giá là: 951.000.000 đồng. Do cụ T có 01 (Một) người con riêng nên cần chia đôi di sản của hai cụ để chia hàng thừa kế theo pháp luật. Sau khi chia đôi trị giá di sản của mỗi cụ có là 951.000.000 đồng : 2 = 475.500.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Chia hàng thừa kế của cụ T cho 6 người và mỗi người được hưởng trị giá bằng tiền là 475.500.000 đồng : 6 người = 79.250.000 đồng/người gồm có cụ C, bà T, bà G, bà C, bà Y và bà L (Vợ ông N) cùng với 04 người con là anh M, chị L, chị L, chị N.

Như vậy, di sản của cụ C là ½ giá trị đất và 01 kỷ phần cụ C thừa kế của cụ T. Giá trị di sản thừa kế của cụ C là để lại 475.500.000 đồng + 79.250.000 đồng = 554.750.000 đồng.

- Chia hàng thừa kế của cụ C cho 4 người và mỗi người được hưởng trị giá bằng tiền là 554.750.000 đồng : 4 người = 138.687.500 đồng/người gồm có bà T, bà G, bà C và bà Y.

Như vậy, sau khi tổng cộng mỗi kỷ phần được chia trị giá bằng tiền là: Bà Bùi Thị T được chia trị giá bằng tiền là 217.937.500 đồng (Tương đương với diện tích 87,175m^2); bà Bùi Thị G được chia trị giá bằng tiền là 217.937.500 đồng (Tương đương với diện tích 87,175m^2); bà Bùi Thị C được chia trị giá bằng tiền là 217.937.500 đồng (Tương đương với diện tích 87,175m^2); bà Bùi Thị Y được chia là 1.168.937 đồng (Tương đương với diện tích 467,575m^2); bà L (Vợ ông N cùng với 4 người con của ôngN là anh M, chị L, chị L, chị N) được chia trị giá bằng tiền là 79.250.000 đồng (Tương đương với diện tích 31,7m^2).

Do di sản thừa kế là quyền sử đất với diện tích 760,8m^2 của cụ T, cụ C bà Y đã chuyển nhượng cho toàn bộ cho bà L và ông H, bà L nên buộc bà Bùi Thị Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế giá trị bằng tiền.

[11]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và Hội đồng đã chi phí hết số tiền này nên buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền trên.

[12]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được chia di sản thừa kế phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần di sản được chia. Tuy

nhiên đối với các đương sự gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Giám, bà Cưu, bà Lân đều là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Minh, chị Loan, chị Lê, chị Na không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 28; Điều 35 ; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thư về việc chia di sản thừa kế của cụ Bùi Văn T và cụ Đặng Thị C theo quy định của pháp luật.

1.1. Di sản thừa kế của cụ Bùi Văn T và cụ Đặng Thị C để lại là: Quyền sử dụng 760,8m^2 đất ở tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30, diện tích 760,8m^2 (Nay thuộc thửa 166 tờ bản đồ số 30, diện tích đất ở 534,6m^2 được uỷ ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp cho bà Hoàng Thị L và thửa đất số 167 tờ bản đồ số 30, diện tích đất ở 226,4m^2 được uỷ ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp cho ông Hồ Văn H, bà Trần Thị L tại địa chỉ xóm 2, xã N, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An). Nay toàn bộ di sản trên bà Y đã chuyển nhượng và những người nhận chuyển nhượng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên di sản không còn hiện vật để phân chia mà được tính bằng trị giá tiền là 1.902.000.000đ (Một tỷ, chín trăm linh hai triệu đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị T về chia di sản bằng hiện vật.

1.3. Phân chia di sản cụ thể như sau :

Bà Bùi Thị T được chia trị giá bằng tiền là 217.937.500 đồng (Tương đương với diện tích 87,175m^2); bà Bùi Thị G được chia trị giá bằng tiền là 217.937.500 đồng (Tương đương với diện tích 87,175m^2); bà Bùi Thị C được chia trị giá bằng tiền là 217.937.500 đồng (Tương đương với diện tích 87,175m^2); bà Bùi Thị Y được chia là 1.168.937 đồng (Tương đương với diện tích 467,575m^2); bà L (Vợ ông N cùng với 4 người con của ông nhiệm là anh M, chị L, chị L, chị N) được chia trị giá bằng tiền là 79.250.000 đồng (Tương đương với diện tích 31,7m^2).

Buộc bà Bùi Thị Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của Cụ T, cụ C gồm bà Bùi Thị T số tiền 217.937.500 đ (Hai trăm mười bảy triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng); bà Bùi Thị G số tiền 217.937.500 đ (Hai trăm mười bảy triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng); Bà Bùi Thị C số tiền 217.937.500 đ (Hai trăm mười bảy triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, năm

trăm đồng); Bà Bùi Thị L (Vợ ông Bùi Văn N) cùng 04 người con Bùi Văn M, Bùi Thị Châu L, Bùi Thị L, Bùi Thị N số tiền 79.250.000 đ (Bảy mươi chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị C đối với yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 672591 ngày 30/6/1998 đối với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 05, diện tích 632m^2 (Trong đó đất ở 200m^2, đất vườn 432m^2); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH906555 ngày 12/10/2017 đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30, diện tích 760,8m^2 (Trong đó đất ở 200m^2, đất vườn 560,8m^2); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 076773 ngày 15/3/2018 đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 30, diện tích 760,8m^2 đất ở đều mang tên bà Bùi Thị Y; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C0 119713 ngày 13/7/2018 mang tên bà Hoàng Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C0 119712 ngày 13/7/2018 mang tên Trần Thị L và Hồ Văn H.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Bùi Thị Y phải trả lại cho bà Bùi Thị T số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm :

- Miễn nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà T, bà C, bà G, bà Y, bà L theo quy định của pháp luật vì các đương sự thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Buộc anh M, chị L, chị L, chị N mỗi người phải chịu 792.500 đ (Bảy trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường Hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Chi cục THADS huyện Nghi Lộc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Hương Giang